

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **475/2020/HNGĐ – ST**
Ngày 21- 12- 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tài.

Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLST– HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST – HNGĐ ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hằng E, sinh năm 1986. Địa chỉ: số 110 ấp AP, xã ABT, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 53/4 ấp XTA, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Hằng E trình bày:

Vào năm 2007 chị và anh Nguyễn Chí N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã TT, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2007. Trong thời gian sống chung anh, chị có 01 con chung Nguyễn Trí N, sinh ngày 23/7/2007, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Chị và anh N không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nguyên nhân chứng chị ly hôn: Sau khi cưới nhau vợ chồng sống rất hạnh phúc, do tính chất công việc chị đi làm tại huyện BT và sống tại nhà cha mẹ ruột của chị ở số 110 ấp AP, xã ABT, huyện BT. Anh N thì đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu về nhà một lần. Khoảng từ năm 2018 cho đến nay do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh N bỏ đi không về nhà, anh N cũng không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành.

Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí N. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trí N, sinh ngày 23/7/2007; chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Chí N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Nguyễn Chí N vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Trong thời gian chung sống chị Hằng E và anh N đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị Hằng E và anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hằng Em.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Chí N hiện có sinh sống tại số 53/4 ấp XTA, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Hằng E có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Chí N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Hằng E và anh Nguyễn Chí N.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hằng E và anh Nguyễn Chí N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Hằng E và anh N được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị Hằng E xin ly hôn với anh N là do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy: Hiện nay chị Hằng E và anh N không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác anh N biết rõ việc chị Hằng E xin ly hôn với anh N, Tòa án đã tạo điều kiện để chị Hằng E và anh N hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Hằng E và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng E là phù hợp.

[5] Do chị Phạm Thị Hằng E không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: Chị Phạm Thị Hằng E và anh Nguyễn Chí N có con chung tên Nguyễn Trí Nhân, sinh ngày 23/7/2007. Xét thấy: Từ năm 2018 chị Hằng E và anh N không còn sống chung thì con chung do chị Hằng E trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung Nguyễn Trí N có nguyện vọng sống chung với chị Hằng E. Lẽ đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày của cháu nên cần giao cho chị Hằng E được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị Hằng E không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Do chị Phạm Thị Hằng E không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hằng E trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Phạm Thị Hằng E phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Hằng E. Chị Phạm Thị Hằng E được ly hôn với anh Nguyễn Chí N. Chị Phạm Thị Hằng E không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Hằng E được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trí N, sinh ngày 23/7/2007. Do Chị Phạm Thị Hằng E không yêu cầu anh Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Chí N có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Phạm Thị Hằng E và anh Nguyễn Chí N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do chị Phạm Thị Hằng E không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hằng E trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Hằng E phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003161 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn – Lê Văn Tài

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

